

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2024/DS-PT.

Ngày: 29 – 5 -2024.

“V/v Tranh chấp ranh đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Lạc.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/TLPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 về *“Tranh chấp ranh đất”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2023/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 92/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 148/2024/QĐ – PT ngày 14/5/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Nguyễn Phương M, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện hợp pháp của chị M là ông Võ Minh S, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (theo Văn ủy quyền ngày 04/3/2024)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện hợp pháp của bà H là chị Nguyễn Minh T, sinh năm 1979. Địa chỉ: số A ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (theo Văn bản uỷ quyền ngày 29/8/2023)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1963

3.2 Chị Huỳnh Thị Diệu T1, sinh năm 1989

3.3 Chị Huỳnh Kim N, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện hợp pháp của ông B là chị Nguyễn Minh T, sinh năm 1979. Địa chỉ: số A ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (theo Văn bản uỷ quyền ngày 29/8/2023).

3.4 Ngân hàng TMCP C – Đại diện hợp pháp Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh tỉnh V – Ông Võ Thanh T2 là Giám đốc. Địa chỉ: A H, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn Lê Nguyễn Phương M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Nguyễn Phương M trình bày:

Chị Lê Nguyễn Phương M là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 9, tờ bản đồ số 15, diện tích 475,1m² loại đất ở 100m² còn lại là đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Nguyễn Thị Diệu H là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 707 (thửa mới là số 8), tờ bản đồ số 1, diện tích 579,6m² loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Thửa đất số 9 của chị M giáp tranh với thửa đất 707 của bà H, cách ranh đất khoảng 30 đến 50cm hiện nay chị M có xây dựng một căn nhà kiên cố, khi xây dựng có chừa ra phần ranh đất giáp với bà H và có trụ ranh kiên cố, chị M theo chồng sống tại Thành phố Hồ Chí Minh nên không thường xuyên ở nhà thì bà H tự ý xây dựng hàng rào ống chạy dài giáp ranh lấn qua thửa đất của chị M khoảng 20cm, khi xây dựng bà H không thông báo, bà H còn tự ý xây thêm cửa hàng bán loa nhạc sống cho con gái là chị Huỳnh Thị Diệu T1 bán và sử dụng chung tường nhà chị M, không những thế còn lấn qua thêm vài tấc. Ngày 19/01/2022 bà H tiếp tục bơm cát lấn qua ranh đất của chị M, quá bức xúc chị M có làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành.

Nay chị Lê Nguyễn Phương M khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà Nguyễn Thị Diệu H cùng các thành viên trong hộ bà H là ông Huỳnh Văn B, chị Huỳnh Thị Diệu T1 trả lại diện tích 38,3m² thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 15, diện tích 475,1m² loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ trên phần đất tranh chấp thể hiện:

Phần diện tích đất tranh chấp 29,9m², loại đất CLN, gồm các mốc 4,5,6,7,4 (trong đó có 4,4m² nhà tường của bà Nguyễn Thị Diệu H và 25,5m² đất CLN, có 1,3m² đất thuộc HLATĐB.

Phần tài sản trên đất tranh chấp gồm có:

Một phần nhà do bà H xây dựng và đang quản lý, sử dụng là mái lợp tôn khung tiền chế cột sắt có diện tích ngang 0,7m x dài 15,87m = 11.109m² xây dựng năm 2016.

Quyền sử dụng đất có diện tích 24,35m² trên phần đất này có tài sản như sau: 02 cây dừa trồng khoảng 15 năm; 01 bức tường để chắn cát cao 35cm dài 34,46m xây dựng khoảng 14 năm hoặc 15 năm; bơm cát lần đầu vào khoảng 15 năm không biết khối lượng, diện tích là bao nhiêu, lần thứ 2 là khoảng 2 năm cũng không biết khối lượng, diện tích là bao nhiêu.

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu H là chị Nguyễn Minh T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Diệu H không có yêu cầu phản tố, bà H có ý kiến phản bác như sau, bà H là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 707, tờ bản đồ số 1, diện tích 579,6m² loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Nguồn gốc thửa đất 707 của ông Huỳnh Văn B chồng của bà H, ngày 09/5/2013 ông Huỳnh Văn B ký hợp đồng tặng cho QSD cho bà H đối với thửa đất 707, tờ bản đồ số 1, diện tích 579,6m² loại đất: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long được Văn phòng đăng ký đất đai huyện M chỉnh lý mặt 4 giấy chứng nhận QSD đất ngày 26/6/2013. Hiện nay là thửa đất số 8, tờ bản đồ số 15, diện tích 483,54m², loại đất: CLN do bà Nguyễn Thị Diệu H đứng tên giấy chứng nhận QSD đất tuy nhiên do diện tích đất giảm nên bà H chưa nhận giấy chứng nhận QSD đất.

Trên thửa đất này, bà H đang xây dựng một cửa hàng mua bán điện tử, điện máy, thùng loa, A, đèn sân khấu, kinh doanh hơn 05 năm nay và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 14/8/2019 trong đó của hàng này có dính một phần diện tích đất tranh chấp, khi xây dựng tài sản thì chị M không có ý kiến, hoặc khiếu nại gì, ngoài ra trên đất tranh chấp bà H còn trồng 02 cây Dừa cách đây 15 năm; 01 bức tường để chắn cát cao 35cm dài 34,46m xây dựng khoảng 14 năm hoặc 15 năm; cát bơm 02 lần lần đầu vào khoảng 15 năm trở về, lần thứ 2 là khoảng 2 năm trước việc bơm cát chị M cũng không ngăn cản, bà H không nhớ rõ khối lượng cát, nếu công nhận đất cho ai thì phần cát thuộc về

người đó, bà H không có yêu cầu đòi lại phần cát đã bơm, do bà Nguyễn Thị Diệu H đã sử dụng phần đất này rất lâu và ổn định, bà H cho rằng cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai đã cấp giấy cho chị M là không đúng nên bà H không đồng ý, đề nghị Toà án giữ nguyên hiện trạng sử dụng công nhận bà H là chủ sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp trong vụ án để đảm bảo việc kinh doanh và sinh hoạt gia đình không bị gián đoạn, mặt khác diện tích đất của bà H được cấp lại và theo kết quả đo đạc bị giám so với diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Đại diện hợp pháp ông Huỳnh Văn B là chị Nguyễn Minh T trình bày: Ông Huỳnh Văn B thống nhất ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị Diệu H, ông B không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP C là ông Võ Thanh T2 có văn bản trình bày:

Ngày 24/8/2022 bà Nguyễn Thị Diệu H và ông Huỳnh Văn B có thể chấp vay vốn tại Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh tỉnh V, tài sản thế chấp là QSD đất thuộc thửa số 707, tờ bản đồ số 1, diện tích 579,6m² loại đất CLN, toạ lạc ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Việc thế chấp là hoàn toàn hợp pháp được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M chứng thực đăng ký giao dịch bảo đảm, trong trường hợp giải quyết vụ án có biến động về tài sản thế chấp hoặc gây thiệt hại cho Ngân hàng, thì buộc bà Nguyễn Thị Diệu H và ông Huỳnh Văn B có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng trước khi xử lý tài sản.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2023/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định.*

Căn cứ Điều 166, 167, 168 và 188 Luật Đất đai năm 2013; Điều 175, 176 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 29 điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, 157, 164, 227, 228, 235, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Nguyễn Phương M.

Bà Nguyễn Thị Diệu H có nghĩa vụ trả chị Lê Nguyễn Phương M số tiền 4.126.200 đồng là giá trị của diện tích đất 29,9m², loại đất CLN, gồm các mốc 4,5,6,7,4 (trong đó có 4,4m² nhà tường của bà Nguyễn Thị Diệu H và 25,5m² đất CLN, có 1,3m² đất thuộc HLATĐB) thuộc một phần thửa đất số 9, tờ bản đồ số 15, tổng diện tích 475,1m² mục đích sử dụng đất: đất ở 100m², đất trồng cây lâu năm

375,1m² tọa lạc ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long do chị Lê Nguyễn Phương M đứng tên giấy chứng nhận QSD đất. Hộ bà Nguyễn Thị Diệu H được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 29,9m², loại đất CLN, gồm các mốc 4,5,6,7,4 (trong đó có 4,4m² nhà tường của bà Nguyễn Thị Diệu H và 25,5m² đất CLN, có 1,3m² đất thuộc HLATĐB) thuộc một phần thửa đất số 9, tờ bản đồ số 15, tổng diện tích 475,1m² mục đích sử dụng đất: đất ở 100m², đất trồng cây lâu năm 375,1m² tọa lạc ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long do chị Lê Nguyễn Phương M đứng tên giấy chứng nhận QSD đất (kèm theo trích đo).

Đương sự được quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai tiến hành thủ tục kê khai, chỉnh lý biên động lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 03/01/2024 nguyên đơn Lê Nguyễn Phương M có đơn kháng cáo với nội dung: không đồng ý với một phần bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu xem xét buộc bà Nguyễn Thị Diệu H di dời tài sản trả lại phần đất diện tích 29,9m² đã lấn chiếm. Nếu bà H sử dụng thì phải trả giá trị theo giá thị trường.

- Tại phiên Tòa phúc thẩm: nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu:
 - + Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự . Áp dụng Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm , thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án. Giải quyết: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2023/DS-ST ngày 21/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít . Chấp nhận một phần khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền buộc bị đơn giá trị đất với số tiền 36.268.000 đồng(= 29,9m² x 1.213.000 đồng trên mét vuông).

Công nhận cho bà Nguyễn Thị Diệu H được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 29,9m² tờ bản đồ số 15, diện tích 475,1m², loại đất ONT + CLN, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long do chị Lê Nguyễn Phương M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Tòa án thành lập Hội đồng khảo sát đo đạc ngày 27/7/2023).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng số tiền 1.813.400 đồng (=36.268.000 đồng x 5%);

Về án phí phúc thẩm: do sửa bản án sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 21/12/2023 Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long xét xử và tuyên án sơ thẩm. Ngày 03/01/2024 nguyên đơn chị Lê Nguyễn Phương M có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo; theo quy định tại Điều 273 được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm được qui định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Chị Lê Nguyễn Phương M là chủ sử dụng thửa đất số 9 tờ bản đồ số 15, tổng diện tích 475,1m² mục đích sử dụng đất: đất ở 100m², đất trồng cây lâu năm 375,1m² tọa lạc ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long được Sở Tài nguyên và môi trường cấp ngày 03/8/2015. Bà Nguyễn Thị Diệu H có thửa đất số 8 (thửa cũ 707) tờ bản đồ số 1 diện tích 483,5m² loại đất vườn tọa lạc ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long được Sở Tài nguyên và môi trường cấp ngày 12/10/2015. Nguồn gốc đất của chị M là nhận tặng cho từ cha ruột ông Lê Văn H1; bà H nhận tặng cho từ chồng ông Huỳnh Văn B. Do hai thửa đất nằm liền kề nhau nên phát sinh tranh chấp. Hai bên thống nhất diện tích tranh chấp là 29,9m².

Qua khảo sát đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ. Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 27/7/2023 thì diện tích đất tranh chấp 29,9m² + với phần đất còn lại không tranh chấp của chị M đang sử dụng là 445,2m² = 475,1m² phù hợp diện tích thực tế của chị M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của nguyên đơn chị Lê Nguyễn Phương M.

Tuy nhiên, trên phần đất này hộ bà H có xây dựng, sử dụng ổn định nếu tháo dỡ sẽ ảnh hưởng đến kết cấu căn nhà của bà H. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bà H được tiếp tục sử dụng phần đất tranh chấp $29,9\text{m}^2$ và phải trả giá trị cho nguyên đơn chị M là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm chi M có yêu cầu định giá lại. Tại Biên bản định giá ngày 25/3/2024 thì hai bên thống nhất giá thị trường:

Giá đất ở: $2.660.000\text{đ}/\text{m}^2$; giá đất trồng cây lâu năm: $1.213.000\text{đ}/\text{m}^2$

Như vậy có đủ căn cứ buộc bị đơn bà H trả giá trị diện tích phần đất tranh chấp là $29,9\text{m}^2 \times 1.213.000\text{đ}/\text{m}^2 = 36.268.700\text{đ}$.

Từ những nhận định trên;

Xét kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần.

Lời phát biểu của Vị kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.813.435 đồng ($= 36.268.700 \text{ đồng} \times 5\%$);

Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Lê Nguyễn Phương M

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2023/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 166, 167, 168 và 188 Luật Đất năm 2013; Điều 175, 176 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 29 điểm a khoản Điều 35, điểm a khoản Điều 39 Điều 147, 157, 164, 227, 228, 235, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26 nghị số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Nguyễn Phương M.

Buộc bà Nguyễn Thị Diệu H có nghĩa vụ trả chị Lê Nguyễn Phương M số tiền 36.268.700 đồng (ba mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm đồng) là giá trị của diện tích đất 29,9m², loại đất CLN, gồm các mốc 4,5,6,7,4 (trong đó có 4,4m² nhà tường của bà Nguyễn Thị Diệu H và 25,5m² đất CLN, có 1,3m² đất thuộc HLATĐB) thuộc một phần thửa đất số 9, tờ bản đồ số 15, tổng diện tích 475,1m² mục đích sử dụng đất: đất ở 100m², đất trồng cây lâu năm 375,1m² tọa lạc ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long do chị Lê Nguyễn Phương M đứng tên giấy chứng nhận QSD đất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị Diệu H được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 29,9m², loại đất CLN, gồm các mốc 4,5,6,7,4 (trong đó có 4,4m² nhà tường của bà Nguyễn Thị Diệu H và 25,5m² đất CLN, có 1,3m² đất thuộc HLATĐB) thuộc một phần thửa đất số 9, tờ bản đồ số 15, tổng diện tích 475,1m² mục đích sử dụng đất: đất ở 100m², đất trồng cây lâu năm 375,1m² tọa lạc ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long do chị Lê Nguyễn Phương M đứng tên giấy chứng nhận QSD đất (kèm theo trích đo).

Đương sự được quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai tiến hành thủ tục kê khai, chỉnh lý biến động lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.813.435 đồng (=36.268.700 đồng x 5%);

Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H2 lại chị Lê Nguyễn Phương M tiền tạm ứng án phí

300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0005615 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND H. Mang Thít: 01b;
- Chi cục THADS H. M: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Lạc

